

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 15/2022/DS-ST

Ngày 08/8/2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đức Hiền

Ông Nguyễn Ngọc Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022, về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST – DS ngày 27/7/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị Bích M, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố PH, phường PT, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Lương Đình T, sinh năm 1970

Phạm Thị Như H, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ 12, khu phố PB, phường AL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Lê Thị L, sinh năm 1960

Địa chỉ: Tổ 5, khu phố XC 2, phường HC, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Vợ chồng anh Lương Đình T chị Phạm Thị Như H có vay của chị Lê Thị Bích M khoản tiền 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng). Ngày 19/3/2021 anh T có lập giấy mượn tiền, hẹn chị M là sau khi bán nhà sẽ trả nợ. Ngày 16/12/2021 chị M đến đòi nợ nhưng anh T, chị H không có tiền trả nên chị H khất nợ thêm 3 tháng và viết lại giấy vay tiền, trong giấy ghi rõ số nợ là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng), thời hạn trả nợ là ngày 16/3/2022 và trả lãi theo ngân hàng, giấy vay tiền cũ anh T lấy lại. Cho tới nay vợ chồng anh T, chị H vẫn chưa trả nợ.

Nay tôi thay mặt chị M yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng anh Lương Đình T chị Phạm Thị Như H trả cho chị M 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng) nợ gốc và nợ lãi tính từ ngày 16/12/2021 tới nay với mức lãi theo lãi suất của ngân hàng Agribank là 1%/tháng.

Chị Phạm Thị Như H và anh Lương Đình T trình bày: Tháng 11/2020 vợ chồng chị H, anh T có vay của chị Lê Thị Bích M khoản tiền 140.000.000đ (một trăm bốn

mười triệu đồng), lãi suất 9%/tháng, khi vay không lập giấy tờ vay tiền, hàng tháng chị H, anh T trả tiền lãi đầy đủ. Tới tháng 3/2021 do chị H bị bệnh phải nhập viện điều trị nên không trả được tiền lãi, ngày 19/3/2021 chị M gặp anh T đòi nợ, do không có tiền trả nên anh T có viết giấy mượn tiền của chị M và hẹn khi nào bán được nhà sẽ trả nợ cho chị M. Ngày 16/12/2021 chị M yêu cầu chị H viết lại giấy vay tiền, trong giấy ghi rõ số nợ là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng), thời hạn trả nợ là 16/3/2022 và trả lãi theo ngân hàng nhưng đến nay do làm ăn thất bại nên vẫn chưa có tiền để trả nợ cho chị M. Chị H, anh T yêu cầu chị M cho trả nợ theo hình thức trả góp hàng tháng, mỗi tháng góp 3.000.000đ (ba triệu đồng) cho đến khi hết số nợ gốc, còn tiền lãi thì chị H, anh T xin chị M miễn cho họ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Tranh chấp giữa chị Lê Thị Bích M và chị Phạm Thị Như H, anh Lương Đình T là tranh chấp hợp đồng; các bên đương sự đều cư trú tại địa bàn thị xã Bình Long nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 3 Điều 26 điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Các đương sự tranh chấp với nhau về hợp đồng vay tài sản nên áp dụng các quy định của pháp luật về cho vay, lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về số tiền vay: Các đương sự thống nhất về số tiền nợ gốc mà chị M cho chị H và Anh T vay là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng), đúng theo giấy vay nợ mà chị M đã giao nộp kèm theo đơn khởi kiện. Thời hạn vay là tới ngày 16/3/2022 phía chị H, anh T phải trả nợ cho chị M, nhưng tới nay họ chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm cam kết nên chị M yêu cầu trả nợ là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu này của chị M.

[3.2] Về lãi suất và tiền lãi: Các đương sự khai không thống nhất về mức lãi suất cho vay. Chị H, anh T thì trình bày là mức lãi suất ban đầu là 9%/tháng nhưng họ không có căn cứ nào để chứng minh cho lời trình bày này, bản thân họ cũng không yêu cầu tòa án xem xét tính lại lãi suất nên không xét. Phía chị M (thông qua người đại diện) trình bày là mức lãi suất theo ngân hàng, như vậy là cũng không rõ ràng. Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự thì khi các bên có thỏa thuận về trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 10%/năm. Thời hạn tính lãi bắt đầu từ ngày 16/12/2021 tới ngày xét xử sơ thẩm là 7 tháng 22 ngày, tiền lãi được tính như sau: $140.000.000đ \times 0,83\%/tháng (10\%/năm) \times 7 \text{ tháng } 22 \text{ ngày} = 8.986.133đ$.

Về án phí: Do chị Phạm Thị Như H và anh Lương Đình T phải trả nợ nên họ phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm trên số nợ phải trả, cụ thể là: $(140.000.000đ + 8.986.133) \times 5\% = 7.449.306đ$. trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Lê Thị Bích M.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;
- Áp dụng các Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung tranh chấp: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích M. Buộc chị Phạm Thị Như H phải trả nợ cho chị Lê Thị Bích M 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng) nợ gốc và 8.986.133đ (tám triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn một trăm ba mươi ba đồng) nợ lãi. Tổng cộng là 148.986.133 (một trăm bốn mươi tám triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn một trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành các khoản nêu trên thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Như H và anh Lương Đình T phải chịu 7.449.306đ (bảy triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm lẻ sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Lê Thị Bích M 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

Nơi gửi:

-TAND tỉnh Bình Phước
-VKSND TX Bình Long.
-Chi cục THADS TX Bình Long.
-Các đương sự.
-Lưu hồ sơ.

Phạm Bình